

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18/5/2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
của nam, nữ chung sống với nhau như
vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Tú;

Bà Phạm Thị Hồng Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Liêng Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham
gia phiên tòa:** Ông Kim Mau - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Duuyên Hải,
tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2022/TLST-
HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam,
nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Kiên C, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp T, xã LV, huyện DH, tỉnh T
(Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lý Thị C, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp T, xã LV, huyện DH, tỉnh T.
(Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/11/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết
vụ án ông Kiên C trình bày: Về quan hệ hôn nhân ông và bà Lý Thị C tự nguyện tiến
tới hôn nhân vào năm 1994, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống,
ông và bà C cùng nhau làm ăn, sinh sống tại ấp Thốt Lốt, xã Long Vĩnh, huyện
Duuyên Hải, tỉnh Trà Vinh, kinh tế của vợ, chồng chủ yếu bằng nghề làm thuê. Trong
quá trình chung sống, ông C và bà C chung sống hạnh phúc và có với nhau được 03
người con. Cho đến năm 2019 thì giữa ông và bà C phát sinh mâu thuẫn. Theo ông C
nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cự cãi, dẫn đến
cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên giữa ông và bà C đã sống ly thân từ năm
2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, giữa ông và bà C không giải quyết

được mâu thuẫn với nhau và đến nay ông C nhận thấy tình cảm vợ chồng với bà C không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và công nhận giữa ông và bà Lý Thị C không phải là vợ chồng. Về con chung: Có 03 con chung tên Kiên Thị H L, sinh năm 1995 và Kiên Thị N D, sinh năm 1997, do hai người con này đã trưởng thành nên ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung là Kiên Trung B, sinh ngày 24/9/2009, hiện đang sống với bà C, ông C đồng ý giao lại cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: ông C không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: ông C khai không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2022 bị đơn bà Lý Thị C trình bày: Bà và ông Kiên C cả hai tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 1994, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông C không lo làm ăn, thường xuyên chơi cờ bạc và có mối quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài. Hơn nữa, ông C thường xuyên chung sống với người phụ nữ khác bên ngoài nên ít khi về nhà. Đến năm 2020 ông C không còn chung sống với bà C mà chung sống với người phụ nữ khác nên giữa bà C và ông C sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Mặc dù, bà không còn tình cảm với ông C từ lâu, nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nay ông C yêu cầu ly hôn bà chấp nhận đồng ý ly hôn với ông C để ổn định cuộc sống sau này. Về con chung: bà C trình bày thống nhất, giữa bà và ông C có 03 người con chung như ông C đã trình bày. Nay bà yêu cầu được nuôi con chung tên Kiên Trung B, sinh ngày 24/9/2009, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Kiên Thị H L, sinh năm 1995 và Kiên Thị N D, sinh năm 1997, đã trưởng thành có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: bà C trình bày giữa bà và ông C không có tài sản chung. Về nợ chung: bà C trình bày không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2022 cháu Kiên Trung B trình bày: Cháu là con chung của cha tên Kiên C và mẹ tên Lý Thị C. Trong thời gian cha mẹ sống ly thân cháu Bảo sống cùng với mẹ là bà Lý Thị C. Nay cháu Bảo có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ là bà Lý Thị C.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Qua đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy việc ông C và bà C chung sống với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là đúng thực. Về nguyên nhân xin ly hôn là do ông C và bà C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn tình cảm dẫn đến sống ly thân. Nay ông C cho rằng mục đích hôn nhân không có kết quả hạnh phúc nên ông C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà C là có cơ sở chấp nhận. Về con chung: Kiên Thị H L, sinh năm 1995 và Kiên Thị N D, sinh năm 1997, đã trưởng thành yêu cầu Tòa án không xem xét, giải quyết. Riêng con tên Kiên Trung B, sinh ngày 24/9/2009 hiện đang sống với bà C. Qua tiếp xúc, lấy lời khai cháu Bảo có nguyện vọng được sống chung với mẹ là có cơ

sở chấp nhận. về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 7 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9; Điều 14; Điều 51; Điều 53, Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận giữa ông Kiên C và bà Lý Thị C là vợ chồng.

- Về con chung: Kiên Thị H L, sinh năm 1995 và Kiên Thị N D, sinh năm 1997, đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Đối với Kiên Trung B, sinh ngày 24/9/2009 tiếp tục giao cho bà Lý Thị C được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng của cháu Bảo. Ông Kiên C không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Kiên C nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy đơn khởi kiện của chị ông Kiên C có nội dung yêu cầu ly hôn với bà Lý Thị C, nơi cư trú tại ấp Thốt Lôt, xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, nhưng không có đăng ký kết hôn và yêu cầu giải quyết về con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung nên đây là quan hệ tranh chấp về *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”* theo quy định tại khoản 1, khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Ông Kiên C và bà Lý Thị C yêu cầu được xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C và bà C theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Xét thấy ông Kiên C và bà Lý Thị C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1994, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của ông C và bà C không được pháp luật công nhận là vợ chồng và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể giải quyết và cả hai tự chấm dứt việc chung sống với nhau như vào chồng vào năm 2019. Nay ông C và bà C đều thống nhất cho rằng cả hai không ai còn tình cảm nên

muốn chấm dứt mối quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng trên pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Kiên C và bà Lý Thị C theo quy định tại Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Đối với con chung tên Kiên Thị H L, sinh năm 1995 và Kiên Thị N D, sinh năm 1997, đã trưởng thành và ông C, bà C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Về con chung tên Kiên Trung B, sinh ngày 24/9/2009 hai bên không có tranh chấp mà ông C đồng ý giao lại cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng. Đồng thời, cháu Kiên Trung B có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Lý Thị C nên việc giao con chung tên Kiên Trung B, sinh ngày 24/9/2009 cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu nên ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông C và bà C không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Ông C và bà C khai không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[4]. Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Ông Kiên C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 7 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kiên C;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Kiên C và bà Lý Thị C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Kiên Trung B, sinh ngày 24/9/2009, cho bà Lý Thị C tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Đối với con chung tên Kiên Thị H L, sinh năm 1995 và Kiên Thị N D, sinh năm 1997, đã trưởng thành và ông C, bà C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người

trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp cần thiết và khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Ông C và bà C không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Ông C và bà C khai không có nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: Buộc ông Kiên C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006876 ngày 09 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Như vậy, ông C đã nộp đủ án phí. Bà Lý Thị C không phải chịu án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Linh

